



táo

萄

grape

Common Words

pú táo táng

葡萄糖

glucose

Pú táo yá

葡萄牙

Portugal

pú táo qiú jūn

葡萄球菌

staphylococcus (a type of bacteria)

Trace each stroke, then write the character on your own.

萄	萄	萄	萄	萄	萄	萄	萄	萄	萄	萄
萄	萄	萄								